

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 59/2019/HN-ST

Ngày: 17/6/2019

“*V/v Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trần Văn Tám**;

- Bà **Lý Thị Bé năm**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-HN ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Phan Thị Kim N**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Phan Thị Kim N** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Hoàng N** tự nguyện sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 06/12/2002. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, anh N chơi cờ bạc chị đã nhiều lần khuyên anh N nhưng anh N không thay đổi tính tình chị

và anh N đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/6/1999 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/2/2011 hiện đang sống với chị, cháu Huỳnh N đã trưởng thành. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Như H và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Mối quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh N đã có mâu thuẫn xảy ra tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đồng thời anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến trình bày ý kiến cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị N nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/6/1999 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/2/2011 hiện đang sống với chị, cháu Huỳnh N đã trưởng thành. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Như H và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N và anh Nguyễn Hoàng N tự nguyện sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 06/12/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về nội dung: Tại đơn xin ly hôn chị N yêu cầu ly hôn với anh N nguyên nhân do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, anh N thường xuyên chơi cờ bạc và hay gây gổ với chị, mâu thuẫn tình cảm trầm trọng. Chị đã nhiều lần khuyên anh N để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vẫn không thay đổi tính tình. Chị và anh N đã ly thân với nhau chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh N đã phát sinh từ năm 2013. Chị N đã cố gắng khuyên anh N sửa chữa tính tình nhằm hàn gắn tình cảm để nuôi dạy con. Nhưng anh N vẫn không thay đổi tính tình. Tòa án nhiều lần mời anh N đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/6/1999 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/2/2011 hiện đang sống với chị, cháu Huỳnh N đã trưởng thành. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Như H và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị N có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 81, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N và anh N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim N.

- **Về tình cảm:** Cho chị Phan Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

- **Về con chung:** Giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/6/1999 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24/2/2011 hiện đang sống với chị, cháu Huỳnh N đã trưởng thành. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Như H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về án phí HNST:**

Chị N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002165 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy. Xem như chị N đã nộp xong.

Anh Nguyễn Hoàng N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đường sự ;
- UBND Thanh Hòa TXCL;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp

